

Số: 31/2021/QĐST-HNGĐ

Thủ Dầu Một, ngày 20 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 07/2021/TLST-VDS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Bà Nguyễn Thị Hoàng C, sinh năm 1977; địa chỉ: Phường CN, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

+ Ông Trương Cao T, sinh năm 1980; địa chỉ: Phường CN, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoàng C và ông Trương Cao T là vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 166, ngày 20/12/2005 của Ủy ban nhân dân phường CN, thị xã (nay là thành phố) M, tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống; hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Nay, bà C và ông T thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà C và ông T có 01 con chung là cháu Trương Cao P, sinh ngày 02/11/2011. Bà C và ông T thỏa thuận giao con chung cho bà C được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trương Cao T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trương Cao P, sinh ngày 02/11/2011 mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Tòa án ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C và ông T không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố M là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoàng C và ông Trương Cao T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 166, ngày 20/12/2005 do Ủy ban nhân dân phường CN, thị xã (nay là thành phố) M, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Nguyễn Thị Hoàng C và ông Trương Cao T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hoàng C được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Trương Cao P, sinh ngày 02/11/2011.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trương Cao T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trương Cao P mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 20/01/2021 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở ông T thực hiện quyền này.

Vì lợi ích hợp pháp của cháu Trương Cao P Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng khi có yêu cầu.

Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà C thì bà C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không có yêu cầu tranh chấp nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Hoàng C và ông Trương Cao T mỗi người nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0050995 ngày 24/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND TP. M;
- Chi cục THADS TP. M;
- UBND phường CN, thành phố M, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Khương Minh Trí